TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ VIỆT YÊN
TỈNH BẮC GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập –Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 32/2025/DS-ST
Ngày: 18-6-2025
V/v "Tranh chấp
Hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ VIỆT YÊN,TỈNH BẮC GIANG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

** Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*: Bà Nguyễn Thị Vân

** Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Thân Văn Nhàn
2. Bà Nguyễn Thị Lại

- Thư ký phiên toà: Bà Đỗ Vân Ngọc- Thư ký Toà án nhân dân thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Việt Yên tham gia phiên tòa: Ông Đặng Đức Hùng- Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 6 năm 2025 tại Trụ sở Toà án nhân dân thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 170/2024/TLST-DS ngày 17 tháng 12 năm 2024 về việc "Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2025/QĐXXST-DS ngày 18/4/2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 51/2025/QĐST-DS ngày 13/5/2025 và Thông báo thay đổi thời gian tiếp tục phiên tòa số 09/2025/TB-TA ngày 03/6/2025 giữa các đương sự:

**** Nguyên đơn:*** *Bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1960 (vắng mặt)*

Nơi cư trú: Thôn Đài S, xã Minh Đức, thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

**** Người đại diện theo ủy quyền của bà K:*** *Ông Đỗ Viết S, sinh năm 1964 (có mặt)*

Nơi cư trú: Tổ dân phố Hòa Bình, thị trấn Bố Hạ, huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang.

**** Đồng bị đơn:***

+ Bà Phạm Thị C, sinh năm 1968 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn Bình Minh, xã Minh Đức, thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

+ Ông Thân Ngọc T, sinh năm 1967 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn Bình Minh, xã Minh Đức, thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

**** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:***

+ Chị Phạm Thị P, sinh năm 1982 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn Tân Bình, xã Tân Lập, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang.

+ Ông Vũ Trọng C, sinh năm 1957 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn Đài S, xã Minh Đức, thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và bản tự khai, biên bản lấy lời khai tiếp theo nguyên đơn bà Nguyễn Thị K do ông Đỗ Viết S đại diện theo ủy quyền tại phiên tòa trình bày:*

Bà và ông Thân Ngọc T, bà Phạm Thị C có quen biết nhau. Ngày 11/6/2019 dương lịch giữa bà và ông Thân Ngọc T, bà Phạm Thị C, chị Phạm Thị P, có ký kết giấy vay T đề ngày 11/6/2019 dương lịch, theo nội dung giấy vay T, bà cho vợ chồng ông T bà C cùng chị P vay số T là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng). Thời gian vay kể từ ngày 11/6/2019, hai bên không thỏa thuận lãi suất. Giấy vay T viết tại nhà bà K, tại thời điểm viết giấy vay T có mặt bà K, ông T, bà C, chị P, ngoài ra không có ai khác. Mục đích vay của vợ chồng ông T, bà C sử dụng T vào việc giúp cá nhân em gái bà C là chị Phạm Thị P. Thời hạn vay là 01 tháng, hạn trả nợ là ngày 11/7/2019 dương lịch. Đến hạn trả nợ vợ chồng ông T bà C cùng chị P phải trả cho bà số T gốc là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) mà vợ chồng ông T bà C cùng chị P đã vay. Số T bà cho bà C, ông T, chị P là số T C của vợ chồng bà.

Nhưng đến hết 11/7/2019 dương lịch vợ chồng ông T bà C cùng chị P vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho bà. Khi bà liên lạc với vợ chồng ông T, bà C cùng chị P còn có thái độ không hợp tác về nghĩa vụ trả nợ. Tuy nhiên, cho đến hết 01 tháng vợ chồng ông T bà C không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ cho bà và bà cũng không nhận được thông tin về việc xin được lùi thời gian trả nợ hay kéo dài thời gian thời hạn vay T. Bà có liên lạc với vợ chồng ông T, bà C cùng chị P để yêu cầu ông T, bà C cùng chị P thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho bà nhiều lần nhưng đến nay ông T, bà C cùng chị P vẫn không thực hiện việc trả nợ cho bà được khoản T gốc và lãi nào.

Tại đơn khởi kiện bà K yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc ông Thân Ngọc T, bà Phạm Thị C và chị Phạm Thị P phải liên đới trả cho vợ chồng bà số T gốc đã vay là 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) theo giấy vay T đề ngày 11/6/2019 và T lãi tính từ ngày đến hạn trả nợ theo lãi suất 10%/năm tạm tính đến ngày 23/8/2024 là 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng), tổng cộng cả gốc và lãi là 150.000.000 đồng (một trăm lăm mươi triệu đồng), ngoài ra bà không có yêu cầu đề nghị gì khác.

Tại phiên tòa bà Nguyễn Thị K vắng mặt.

Tại phiên tòa ông S là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của bà K yêu cầu Tòa án giải quyết:

Buộc ông Thân Ngọc T, bà Phạm Thị C và chị Phạm Thị P phải liên đới trả cho bà K, ông C số T gốc đã vay là 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) theo giấy vay T đề ngày 11/6/2019 và T lãi tính theo lãi suất 10%/năm từ ngày 12/7/20219 đến ngày xét xử sơ thẩm, ngoài ra bà K không có yêu cầu đề nghị gì khác.

** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Vũ Trọng C tại bản tự khai có trình bày:*

Ông đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà K, ông đồng ý với toàn bộ lời trình bày của bà K, ngoài ra ông không có ý kiến gì khác

Tại phiên tòa ông C có đơn xin xét xử vắng mặt.

* Đối với đồng bị đơn bà Phạm Thị C, ông Thân Ngọc T, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Phạm Thị P: Tòa án đã tiến hành giao, gửi các văn bản tố tụng cho bà C, ông T, chị P nhưng tại các buổi làm việc, hòa giải của Tòa án, thông báo về việc thu thập được tài liệu, chứng cứ, quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ bà C, ông T, chị P đều vắng mặt và không có ý kiến gì về việc khởi kiện của bà K và cũng không cung cấp tài liệu chứng cứ gì để bảo vệ quyền lợi cho mình.

Tại phiên tòa hôm nay, bà Phạm Thị C, ông Thân Ngọc T, chị Phạm Thị P vắng mặt

* Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Việt Yên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử là đảm bảo theo quy định của pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông S chấp hành đúng quy định của pháp luật; Bị đơn bà C, ông Chiến, Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị P không chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 357; Điều 463, Điều 466, Điều 468; Điều 470 Bộ luật dân sự; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016;

Đề nghị Hội đồng xét xử, xử:

- Về yêu cầu khởi kiện: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị K. Buộc bà Phạm Thị C, ông Thân Ngọc T, chị Phạm Thị P phải liên đới trả cho bà Nguyễn Thị K, ông Vũ Trọng C tổng số T là 159.292.000 đồng (trong đó T gốc là 100.000.000 đồng và T lãi là 59.292.000 đồng).

Về án phí: Bà C, ông T, chị P phải liên đới chịu 7.964.600 đồng T án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Vụ án Tranh chấp hợp đồng vay tài sản giữa bà Nguyễn Thị K và bà Phạm Thị C, ông Thân Ngọc T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân theo khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn bà C, ông T có nơi cư trú: Thôn Bình Minh, xã Minh Đức, thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang nên Tòa án nhân dân thị xã Việt Yên thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Nguyên đơn bà K vắng mặt đã có ủy quyền cho ông S có mặt; Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông C vắng mặt đã có đơn xin xét xử vắng

mặt; Bị đơn bà C, ông T; Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị P vắng mặt đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt những người trên.

[3] Về quan hệ pháp luật: Bà Nguyễn Thị K có đơn khởi kiện yêu cầu bà C, ông T, chị P phải liên đới có trách nhiệm trả số T nợ gốc theo giấy vay T và trả T lãi theo lãi suất quy định của pháp luật được xác định là quan hệ "Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản" theo Điều 463 của Bộ luật dân sự.

[4] Về thời hiệu: Căn cứ các giấy vay T đề ngày 11/6/2019 thì bà C, ông T, chị P đều ký tên trong mục người vay có vay của bà K số T 100.000.000 đồng, thời hạn vay 01 tháng đến ngày 11/7/2019. Sau đó đến hạn trả nợ bà C, ông T, chị P không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, cho dù bà K đã đòi nhiều lần Ngày 17/12/2024 bà K nộp đơn khởi kiện yêu cầu bà C, ông T, chị P trả số T đã vay. Vụ án không có đương sự nào yêu cầu áp dụng thời hiệu. Căn cứ khoản 2 Điều 149 của Bộ luật dân sự, khoản 2 Điều 184 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án không áp dụng quy định về thời hiệu.

[5] Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị K, Hội đồng xét xử thấy:

* Về nghĩa vụ trả T và số T phải trả:

Căn cứ vào chứng cứ là giấy vay T đề ngày 11/6/2019 có chữ viết và chữ ký của bà Phạm Thị C, ông Thân Ngọc T, chị Phạm Thị P mục bên vay ký tên và lời khai bà K thừa nhận toàn bộ chữ ký, chữ viết trong giấy trên là chữ ký, chữ viết của ông T, bà C, chị P là phù hợp với lời khai của nguyên đơn bà K người cho vay số T gốc là 100.000.000 đồng. Sau khi vay đến hạn trả bà C, ông T, chị P không trả được T cho bà K. Đối với bà C, ông T, chị P đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không trình bày ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của bà K và không cung cấp được tài liệu chứng cứ gì chứng minh cho quyền lợi của mình. Bà K xác định số T cho bà C, ông T vay vay hộ em gái bà C là chị P, số T cho bà C, ông T, chị P vay là T của vợ chồng bà nên bà K yêu cầu bà C, ông T, chị P phải liên đới trả vợ chồng bà số T đã vay. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà C, ông T, chị P đều vắng mặt không cung cấp được các tài liệu liên quan đến việc thể hiện không vay số T trên và đã trả đủ số T đã vay cho bà K nên có căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà K, buộc bà C, ông T, chị P phải liên đới trả nợ số T gốc 100.000.000 đồng đã vay cho bà K, ông C theo giấy vay T ngày 11/6/2019.

* Về lãi suất bà K yêu cầu bà C, ông T, chị P trả lãi suất theo quy định của pháp luật 10%/năm từ ngày 12/7/2019 cho đến ngày xét xử sơ thẩm 18/6/2025 thì thấy:

Tại giấy vay T ngày 11/6/2019 không ghi lãi suất, bà K trình bày lãi suất hai bên không thỏa thuận, thời hạn vay là 01 tháng, đến ngày 11/7/2019 bà C, ông T, chị P không trả đúng hạn như đã thỏa thuận trong giấy vay T. Như vậy, cần xác định đây là hợp đồng vay có kỳ hạn, lãi suất không thỏa thuận nên lãi suất được tính lãi suất chậm trả của hợp đồng này có mức là 10%/năm theo quy định tại Điều 357,

khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự phù hợp với yêu cầu của nguyên đơn bà K yêu cầu lãi suất tính từ ngày 12/7/2019 nên cần được chấp nhận.

Cụ thể T lãi:

Thời điểm từ ngày 12/7/2019 đến ngày 18/6/2025 T lãi là 05 năm 11 tháng 06 ngày. Cụ thể T lãi được tính như sau: 05 năm x 100.000.000 đồng x 10% + 11 tháng x 100.000.000 đồng x 0,83% + 06 ngày x 100.000.000 đồng x 0,027% = 50.000.000 đồng + 9.130.000 đồng + 162.000 đồng = 59.292.000 đồng. Tổng số T lãi mà bà C, ông T, chị P phải trả cho bà K, ông C là: 59.292.000 đồng.

Như vậy, tổng số T mà bà C, ông T, chị P phải liên đới trả cho bà K, ông C cả gốc và lãi là 159.292.000 đồng. Trong đó T gốc là 100.000.000 đồng và T lãi là 59.292.000 đồng.

[6] Về lãi suất phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ trả T: Tại phiên tòa bị đơn bà C, ông T, người liên quan chị P vắng mặt nên không thỏa thuận được lãi suất chậm thi hành án, lãi suất chậm trả thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

[7] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của bà K được chấp nhận nên bà C, ông T, chị P phải liên đới chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm. Cụ thể T án phí dân sự sơ thẩm của là: 159.292.000 đồng x 5% = 7.964.600 đồng.

[8] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 3 Điều 144; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 357; Điều 463; Điều 466; khoản 2 Điều 468; Điều 470 của Bộ luật dân sự;

Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình;

Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Xử:

[1] Về yêu cầu khởi kiện:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị K. Buộc bà Phạm Thị C, ông Thân Ngọc T và chị Phạm Thị P phải liên đới trả cho bà Nguyễn Thị K, ông Vũ Trọng C tổng số T là 159.292.000 đồng (một trăm năm mươi chín triệu hai trăm chín hai nghìn đồng). Trong đó T gốc là 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) và T lãi là 59.292.000 đồng (năm mươi chín triệu hai trăm chín hai nghìn đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong bên phải thi hành án còn phải chịu khoản T lãi của số T còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

[2] Án phí: Bà Phạm Thị C, ông Thân Ngọc T, chị Phạm Thị P phải liên đới chịu 7.964.600 đồng (bảy triệu chín trăm sáu mươi tư nghìn sáu trăm đồng) T án phí dân sự sơ thẩm.

[3] Về quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được (hoặc niêm yết) bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND thị xã Việt Yên;
- Chi cục THADS thị xã Việt Yên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Vân

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Vân

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND thị xã Việt Yên;
- Chi cục THADS thị xã Việt Yên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Vân